TOÀ ÁN NHÂN DÂN **HUYỆN BA BỂ** **TỈNH BẮC KẠN**	**CỘNG HOÀ XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM** **Độc lập - Tự do - Hạnh phúc**

Bản án số: 36/2024/HS-ST
Ngày: 09 - 9 - 2024

NHÂN DANH
NƯỚC CỘNG HOÀ XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM

TOÀ ÁN NHÂN DÂN HUYỆN BA BỂ, TỈNH BẮC KẠN

***- Thành phần Hội đồng xét xử sơ thẩm gồm có*:**

Thẩm phán - Chủ toạ phiên toà: Bà Triệu Thị Út Hiền

Các Hội thẩm nhân dân: Bà Nguyễn Thị Nga

Bà Chu Thị Thu Trang

- Thư ký phiên toà: Bà Cao Thị Hải Yến - Thư ký Tòa án nhân dân huyện Ba Bể, tỉnh Bắc Kạn.

- Đại diện Viện kiểm sát nhân dân huyện Ba Bể, tỉnh Bắc Kạn tham gia phiên toà: Bà Nguyễn Thị Hồng Nhung - Kiểm sát viên.

Ngày 09 tháng 9 năm 2024, tại trụ sở Tòa án nhân dân huyện Ba Bể, tỉnh Bắc Kạn, xét xử sơ thẩm công khai vụ án hình sự thụ lý số: 06/2024/TLST-HS, ngày 16 tháng 02 năm 2024, theo Quyết định đưa vụ án ra xét xử số: 11/2024/QĐXXST-HS ngày 15 tháng 4 năm 2024 và các Quyết định hoãn phiên tòa số 03/2024/HSST-QĐ ngày 25/4/2024, số 04/2024/HSST-QĐ ngày 22/5/2024, số 07/2024/HSST-QĐ ngày 21/6/2024, số 09/2024/HSST-QĐ ngày 19/7/2024, số 11/2024/HSST-QĐ ngày 16/8/2024 đối với bị cáo:

Hứa Văn S, sinh ngày 18 tháng 8 năm 1989 tại huyện B, tỉnh Bắc Kạn. Nơi cư trú: Thôn B, xã M, huyện B, tỉnh Bắc Kạn; nghề nghiệp: Lao động tự do; trình độ học vấn: 07/12; dân tộc: Tày; giới tính: Nam; tôn giáo: Không; quốc tịch: Việt Nam; con ông Hứa Xuân T và bà Vi Thị N; vợ, con: Chưa có;

Tiền án, tiền sự: Không có.

Nhân thân:

+ Ngày 08/5/2014 bị công an huyện B, tỉnh Bắc Kạn xử phạt vi phạm hành chính về hành vi Cố ý gây thương tích;

+ Ngày 06/12/2021 bị Tòa án nhân dân huyện Yên Dũng, tỉnh Bắc Giang xử phạt 08 tháng tù về tội Trộm cắp tài sản.

Bị cáo tại ngoại, có mặt.

- Người bào chữa: Ông Đinh Xuân D – Trợ giúp viên pháp lý, Trung tâm trợ giúp pháp lý Nhà nước tỉnh B. Có mặt.

- Bị hại: Anh Lý Thế H, sinh năm 1978; Nơi cư trú: Thôn K, xã M, huyện B, tỉnh Bắc Kạn. Vắng mặt.

- Người có quyền lợi, nghĩa vụ liên quan:

+ Anh Hoàng Văn T1, sinh năm 1997; Nơi cư trú: thôn T, xã T, huyện B, tỉnh Bắc Kạn. Vắng mặt.

+ Anh Lý Văn N1, sinh năm 1995; Nơi cư trú: Thôn N, xã T, huyện B, tỉnh Bắc Kạn. Vắng mặt.

- Người làm chứng:

+ Anh Hứa Văn L, sinh năm 1990; Nơi cư trú: Thôn B, xã M, huyện B, tỉnh Bắc Kạn. Vắng mặt.

+ Anh Triệu Văn T2, sinh năm 1995; Nơi cư trú: Thôn P, xã T, huyện B, tỉnh Bắc Kạn. Vắng mặt.

+ Anh Hoàng Văn T3, sinh năm 1990; Nơi cư trú: Thôn T, xã M, huyện B, tỉnh Bắc Kạn. Vắng mặt.

NỘI DUNG VỤ ÁN:

Theo các tài liệu trong hồ sơ vụ án và diễn biến tại phiên tòa, nội dung vụ án được tóm tắt như sau:

Năm 2020, Hứa Văn S đi lao động tại khu công nghiệp ở xã V, huyện V, tỉnh Bắc Giang thì dùng điện thoại di động có kết nối internet vào mạng xã hội Facebook để tìm mua xe cũ tại các trang mạng, S nhìn thấy hình ảnh chiếc xe nhãn hiệu YAMAHA EXCITER và ưng ý nên tìm số điện thoại của người bán xe cũ đăng trên Facebook rồi vào ứng dụng Z, tìm kiếm tài khoản Zalo theo số điện thoại để liên lạc, trao đổi mua chiếc xe với một người đàn ông Sự không quen biết, không rõ địa chỉ. Sau khi trao đổi với người bán xe, S biết rõ xe không có Giấy chứng nhận đăng ký xe, không có biển số đăng ký, muốn có thì phải làm giả, S thỏa thuận mua chiếc xe không rõ nguồn gốc kèm giấy tờ xe giả với giá 7.000.000 đồng. Theo hướng dẫn của người đàn ông, S đã chụp ảnh hai mặt chứng minh nhân dân của mình gửi cho người đàn ông đó để làm giả Giấy chứng nhận đăng ký xe mô tô, xe máy mang tên Hứa Văn S. Sau khi thỏa thuận với người đàn ông được khoảng 3 ngày thì người đàn ông hẹn Sự đến khu vực Cầu S ở thành phố B, tỉnh Bắc Ninh để giao dịch mua bán xe. S đi một mình đến chỗ hẹn, gặp một người đàn ông cao, gầy, khoảng 20 tuổi (S không hỏi tên, địa chỉ). Tại đây, sau khi xem xe thấy xe đúng như đã thỏa thuận, S đưa số tiền 7.000.000 đồng do S đi làm thuê có được cho người đàn ông và được người đàn ông giao xe mô tô nhãn hiệu YAMAHA EXCITER màu sơn đen, gắn biển số 97B1-675.87 cùng một giấy chứng nhận xe mô tô, xe máy giả mang tên Hứa Văn S. Sau khi mua được xe, S đã dùng chiếc xe trên cùng Giấy đăng ký xe giả mang tên mình để đi lại. Đến ngày 07/5/2021, S đi chiếc xe mô tô đến cửa hàng mua bán xe mô tô, xe máy của ông Lý Thế H tại thôn K, xã M, huyện B, sau đó, trao đổi mua bán chiếc xe trên. Sự nói đó là xe của S, S đang cần tiền, có ý định bán xe và đưa giấy đăng ký xe cho ông H xem, hai người thỏa thuận giá mua bán là 20.000.000 đồng

rồi làm hợp đồng mua bán xe, ông H trả Sự số tiền 20.000.000 đồng như thỏa thuận, S giao xe và giấy tờ xe giả mang tên Hứa Văn S cho ông H. Quá trình mua bán làm hợp đồng có anh Hứa Văn L chứng kiến.

Sau khi mua xe của S, ông H đã để chiếc xe trên bày bán tại cửa hàng. Đến ngày 19/01/2023, Hoàng Văn T1 đi cùng anh trai là Hoàng Văn T3 đến cửa hàng xe của ông H để tìm mua xe. Tại đây, T1 hỏi mua chiếc xe mô tô YAMAHA EXCITER gắn biển số đăng ký 97B1-675.87, hai bên thỏa thuận giá là 21.500.000 đồng, vì là chỗ quen biết nên ông H cho T1 trả dần số tiền trên. Ông H đã giao xe kèm theo giấy đăng ký xe mang tên Hứa Văn S cho T1 và T1 đã trả cho ông H được 18.000.000 đồng, còn nợ ông H 3.500.000 đồng.

Hoàng Văn T1 đã mang xe về nhà để sử dụng cho việc đi lại, đến khoảng tháng 4/2023, T1 đã chia sẻ thông tin lên mạng xã hội Facebook để bán xe và nhờ bạn của T1 là Triệu Văn T2 hộ tìm người mua xe. Ngày 17/4/2023, anh Lý Văn N1 hỏi mua xe trên, T1 đồng ý bán cho N1 với giá 21.000.000 đồng và làm hợp đồng mua, bán xe tại nhà Triệu Văn T2. Anh N1 đã trả đủ số tiền 21.000.000 đồng cho T1, T1 giao chiếc xe cùng giấy đăng ký xe mang tên Hứa Văn S cho anh N1. Ngày 19/4/2023, khi anh N1 điều khiển xe mô tô trên đến K+200 Quốc lộ B thuộc địa phận tổ dân phố C, thị trấn N, huyện N, tỉnh Bắc Kạn thì gặp Tổ công tác Phòng C Công an tỉnh B dừng xe kiểm tra, do phát hiện có nghi vấn về giấy chứng nhận đăng ký xe mô tô, xe máy nên đã tạm giữ xe và chuyển hồ sơ cho Cơ quan Cảnh sát điều tra Công an huyện N xử lý. Qua quá trình xác minh, Cơ quan Cảnh sát điều tra Công an huyện N đã chuyển toàn bộ hồ sơ cùng tài liệu liên quan đến Cơ quan Cảnh sát điều tra Công an huyện B để tiến hành điều tra, xác minh theo thẩm quyền.

Tại Kết luận giám định số 187/KL-KTHS ngày 09/6/2023 của Phòng K Công an tỉnh B kết luận: Giấy chứng nhận xe mô tô, xe máy cần giám định là giả.

Tại Kết luận giám định số 189/KL-KTHS ngày 09/6/2023 của Phòng K Công an tỉnh B kết luận: Ký tự chữ, số khung và chữ, số máy của xe mô tô YAMAHA EXCITER, màu sơn đen, biển số đăng ký 97B1-675.87 là ký tự chữ số nguyên thủy do nhà sản xuất đóng; Biển số xe mô tô 97B1-675.87 (mẫu cần giám định) không đồng nhất với biển số đăng ký xe mô tô 97B1-751.53 (mẫu so sánh) do phòng PC08 cấp và không phù hợp với quy định tại phụ lục 04 Thông tư số 58/2020/TT-BCA ngày 16/6/2020 của Bộ trưởng Bộ C1 ban hành.

Tại Kết luận định giá tài sản số 72/KL/HĐĐG ngày 08/9/2023 của Hội đồng định giá tài sản trong tố tụng Hình sự huyện B kết luận: Một xe mô tô nhãn hiệu YAMAHA EXCITER, màu sơn đen, biển số đăng ký 97B1-675.87 giả, giấy chứng nhận đăng ký xe mô tô giả tại thời điểm ngày 07/8/2021 trị giá 5.000.000 đồng.

Đối với chiếc xe mô tô nhãn hiệu YAMAHA EXCITER, màu sơn đen, số khung RLCUG0610HY516021, số máy G3D4E538845 xác định chủ xe là Trần Văn Đ, biển số đăng ký là 98B3-030.14. Điển đã bán chiếc xe trên vào năm 2020 cho một người không quen biết làm công nhân ở khu công nghiệp V, thành phố B, tỉnh Bắc Giang.

Đối với biển số đăng ký 97B1-675.87 xác định là biển số đăng ký thật của chiếc xe nhãn hiệu HONDA WAVE, chủ xe là Đặng Văn N2, ông N2 đã chết năm 2022, gia đình ông N2 cho biết chiếc xe đã được ông N2 bán nhưng không biết ông N2 bán cho ai, vào thời gian nào.

Cơ quan Cảnh sát điều tra Công an huyện B đã ban hành Thông báo truy tìm chủ sở hữu đối với chiếc xe YAMAHA EXCITER, màu sơn đen, số khung RLCUG0610HY516021, số máy G3D4E538845 nhưng chưa có kết quả; Ngày 16/10/2023 Công an huyện B thông báo kết quả tra cứu xe vật chứng đối với chiếc xe trên, kết quả xác định: Không có trong cơ sở dữ liệu vật chứng.

Quá trình giải quyết vụ án, Hứa Văn S khai: Do không có tiền để mua xe mới nên S đã vào trang mạng để tìm mua xe không rõ nguồn gốc. Quá trình trao đổi, mua bán xe không rõ nguồn gốc với người đàn ông không quen biết, S đều biết giấy tờ, biển số đăng ký liên quan đến chiếc xe đều phải làm giả và không do cơ quan có thẩm quyền của Nhà nước cấp. Sự đã cung cấp thông tin cá nhân để làm giấy chứng nhận đăng ký xe mô tô, xe máy giả để sử dụng. Sau đó, do cần tiền tiêu xài, S đã cố tình bán chiếc xe gắn biển số đăng ký 97B1-675.87 giả kèm giấy tờ xe giả cho ông Lý Thế H lấy số tiền 20.000.000 đồng vào ngày 07/5/2021. Số tiền bán xe, S đã chi dùng hết.

Bị hại Lý Thế H và những người có quyền lợi, nghĩa vụ liên quan trong quá trình mua bán chiếc xe trên đều không biết xe sử dụng giấy chứng nhận xe giả, biển số giả.

Anh Lý Thế H yêu cầu bị cáo phải bồi thường số tiền đã bỏ ra để mua xe là 20.000.000 đồng; Ngày 22/01/2024, S đã trả được cho anh H số tiền 1.000.000 đồng, hai bên nhất trí thỏa thuận Sự trả tiếp cho anh H số tiền 19.000.000 đồng.

Anh Hoàng Văn T1 yêu cầu anh Lý Thế H trả lại số tiền đã bỏ ra để mua xe với số tiền 18.000.000 đồng; anh H nhất trí thỏa thuận nhưng chưa trả được khoản tiền nào.

Anh Lý Văn N1 yêu cầu anh Hoàng Văn T1 trả lại số tiền đã bỏ ra để mua xe với số tiền 21.000.000 đồng; anh T1 nhất trí nhưng chưa trả được khoản tiền nào.

Với hành vi trên, bản Cáo trạng số: 07/CT-VKSBB ngày 14/02/2024 của Viện kiểm sát nhân dân huyện Ba Bể, tỉnh Bắc Kạn đã truy tố Hứa Văn S về tội: "Sử dụng tài liệu giả của cơ quan, tổ chức" theo điểm d khoản 2 Điều 341 và tội "Lừa đảo chiếm đoạt tài sản" theo khoản 1 Điều 174 Bộ luật Hình sự.

Quá trình giải quyết vụ án và tại phiên tòa, bị cáo Hứa Văn S đã khai nhận hành vi phạm tội của mình như nội dung bản Cáo trạng đã nêu. Sau khi phân tích, đánh giá tính chất, mức độ hành vi phạm tội của bị cáo, đại diện Viện kiểm sát nhân dân huyện Ba Bể duy trì quyền công tố tại phiên tòa giữ nguyên quan điểm truy tố về tội danh, điều luật áp dụng đối với bị cáo Hứa Văn S theo Cáo trạng và đề nghị Hội đồng xét xử:

- Về trách nhiệm hình sự: Tuyên bố bị cáo Hứa Văn S phạm tội: "Sử dụng tài liệu giả của cơ quan, tổ chức" và tội "Lừa đảo chiếm đoạt tài sản".

Áp dụng điểm d khoản 2 Điều 341; khoản 1 Điều 174; Điều 38, Điều 50, điểm b, s khoản 1, khoản 2 Điều 51, Điều 55 Bộ luật Hình sự đề nghị xử phạt bị cáo Hứa Văn S từ 02 năm đến 02 năm 06 tháng tù về tội "Sử dụng tài liệu giả của cơ quan, tổ chức" và xử phạt từ 12 tháng đến 15 tháng tù về tội "Lừa đảo chiếm đoạt tài sản"; Tổng hợp hình phạt của hai tội buộc bị cáo phải chấp hành hình phạt tù từ 03 năm đến 03 năm 09 tháng tù, thời hạn tù tính từ ngày bị cáo đi chấp hành án.

Về hình phạt bổ sung: Xét thấy gia đình bị cáo thuộc diện hộ nghèo, bị cáo không có việc làm, không có thu nhập ổn định, sống phụ thuộc gia đình nên không đề nghị áp dụng hình phạt bổ sung đối với bị cáo theo quy định tại khoản 4 Điều 341, khoản 5 Điều 174 Bộ luật Hình sự.

- Về vật chứng: Áp dụng Điều 47 Bộ luật Hình sự, Điều 106 Bộ luật tố tụng Hình sự xử lý vật chứng:

+ Tịch thu, tiêu hủy đối với 01 biển số đăng ký 97B1-675.87 (giả).

+ Chuyển lưu theo hồ sơ vụ án đối với 01 chứng nhận đăng ký xe mô tô, xe máy số 022811 mang tên Hứa Văn S (giả);

+ Đối với 01 xe mô tô nhãn hiệu YAMAHA EXCITER màu sơn đen, số khung RLCUG0610HY516021, số máy G3D4E538845 đã qua sử dụng kèm theo chìa khóa xe: Giao Công an huyện B tiếp tục tạm giữ, bảo quản và xử lý theo quy định của pháp luật.

- Về trách nhiệm dân sự: Căn cứ Điều 48 Bộ luật Hình sự; các Điều 584, 585, 586, 589 Bộ luật Dân sự đề nghị Hội đồng xét xử ghi nhận sự thỏa thuận của bị cáo, bị hại và những người có quyền lợi, nghĩa vụ liên quan:

+ Buộc bị cáo phải bồi thường cho anh Lý Thế H số tiền còn lại là 19.000.000 đồng;

+ Bị hại anh Lý Thế H có trách nhiệm hoàn trả cho anh Hoàng Văn T1 số tiền 18.000.000 đồng;

+ Anh Hoàng Văn T1 có trách nhiệm hoàn trả cho anh Lý Văn N1 số tiền 21.000.000 đồng.

- Về án phí: Bị cáo thuộc diện hộ nghèo, có đơn xin miễn án phí nên đề nghị miễn án phí cho bị cáo.

Tại phiên tòa, bị cáo nhất trí với tội danh và mức hình phạt mà Kiểm sát viên đã đề nghị trong bản luận tội. Trong phần tranh luận, bị cáo không có ý kiến tranh luận, người bào chữa nhất trí các nội dung trong bản luận tội của Viện kiểm sát, tuy nhiên, đối với nội dung mức hình phạt của tội Lừa đảo chiếm đoạt tài sản, người bào chữa đề nghị áp dụng cho bị cáo là 06 tháng tù. Kiểm sát viên đã đối đáp đầy đủ các ý kiến của người bào chữa và giữ nguyên quan điểm luận tội.

Lời nói sau cùng, bị cáo thừa nhận hành vi phạm tội và xin Hội đồng xét xử xem xét áp dụng mức hình phạt thấp nhất.

NHẬN ĐỊNH CỦA TÒA ÁN:

Trên cơ sở nội dung vụ án, căn cứ vào các tài liệu trong hồ sơ vụ án đã được tranh tụng tại phiên tòa, Hội đồng xét xử nhận định như sau:

[1] Về hành vi, quyết định tố tụng của Cơ quan điều tra, Điều tra viên, Viện kiểm sát, kiểm sát viên, người bào chữa trong quá trình điều tra, truy tố, xét xử là hợp pháp, đúng quy định.

Về thủ tục tố tụng: Tại phiên tòa, vắng mặt bị hại, những người có quyền lợi, nghĩa vụ liên quan và những người làm chứng. Xét thấy, những người tham gia tố tụng vắng mặt tại phiên tòa đã có đầy đủ lời khai tại giai đoạn điều tra, bị hại, những người có quyền lợi, nghĩa vụ liên quan đã có đơn xin xét xử vắng mặt, đã nêu rõ phần quyền, nghĩa vụ của họ nên việc vắng mặt không làm ảnh hưởng đến việc giải quyết vụ án của Tòa án. Căn cứ vào Điều 292, 293 Bộ luật tố tụng Hình sự, Hội đồng xét xử tiến hành xét xử vắng mặt họ.

[2] Về căn cứ định tội, định khung hình phạt:

Lời khai nhận tội của bị cáo tại phiên tòa hoàn toàn phù hợp với lời khai tại giai đoạn điều tra và các tài liệu chứng cứ khác trong hồ sơ vụ án, thể hiện:

Vào khoảng giữa năm 2020, Hứa Văn S do có nhu cầu mua xe để đi lại nên đã truy cập vào mạng xã hội Zalo nhắn tin, trao đổi với một tài khoản Zalo mà S không nhớ thông tin cụ thể để mua một xe mô tô nhãn hiệu YAMAHA EXCITER màu sơn đen. Sự biết rõ xe không rõ nguồn gốc, không có biển số đăng ký và giấy chứng nhận nhưng S đã đồng ý cung cấp thông tin cá nhân để làm Giấy chứng nhận đăng ký xe mô tô giả mang tên Hứa Văn S và xe có biển số đăng ký là giả. Khoảng 3 ngày sau khi trao đổi, S đã đến khu vực cầu S thuộc địa phận tỉnh Bắc Ninh để nhận xe có biển số đăng ký là 97B1-675.87 giả kèm giấy tờ xe giả mang tên Hứa Văn S và trả cho đối tượng bán xe số tiền 7.000.000 đồng.

Sự sử dụng xe đến ngày 07/5/2021, do cần tiền tiêu dùng, S đã bán chiếc xe mô tô nhãn hiệu YAMAHA EXCITER màu sơn đen, gắn biển số đăng ký 97B1-675.87 giả kèm theo giấy chứng nhận xe giả mang tên Hứa Văn S cho anh Lý Thế H để chiếm đoạt số tiền 20.000.000 đồng. Sự không nói cho anh H biết về nguồn gốc của xe; anh H thấy xe là chính tên chính chủ, có đầy đủ giấy tờ xe nên tin tưởng và mua xe.

Hứa Văn S có đủ năng lực chịu trách nhiệm hình sự, vì nhu cầu mua xe rẻ về sử dụng và cần tiền để tiêu dùng, mặc dù biết rõ hành vi sử dụng giấy tờ xe, biển số xe không do cơ quan có thẩm quyền cấp là vi phạm pháp luật nhưng S vẫn cố tình mua xe có giấy tờ giả, biển số xe giả để sử dụng, sau đó bán cho người khác để chiếm đoạt số tiền 20.000.000 đồng. Hành vi của Hứa Văn S là nguy hiểm cho xã hội, đã xâm phạm đến hoạt động bình thường của cơ quan, tổ chức trong lĩnh vực quản lý hành chính Nhà nước và xâm phạm đến quyền sở hữu tài sản của người khác.

Vì S sử dụng giấy tờ xe giả không những để che giấu cơ quan, tổ chức về tính hợp pháp của chiếc xe mà còn sử dụng giấy tờ xe giả để thực hiện tội phạm ít nghiêm trọng là "Lừa đảo chiếm đoạt tài sản" tại khoản 1 Điều 174 nên Sự chịu tình tiết định khung về tội "Sử dụng giấy tờ, tài liệu giả" theo điểm d khoản 2

Điều 341 Bộ luật Hình sự. Viện kiểm sát nhân dân huyện Ba Bể truy tố Hứa Văn S về các tội nêu trên là có căn cứ, đúng người, đúng tội, đúng pháp luật.

[3] Về nhân thân, các tình tiết tăng nặng, giảm nhẹ trách nhiệm hình sự:

Bị cáo có nhân thân xấu: Ngày 08/5/2014, bị công an huyện B xử phạt 2.500.000 đồng về hành vi cố ý gây thương tích; Ngày 06/12/2021, bị Tòa án nhân dân huyện Yên Dũng, tỉnh Bắc Giang xử phạt 8 tháng tù về tội "Trộm cắp tài sản".

Quá trình giải quyết vụ án và tại phiên tòa, bị cáo đã thành khẩn khai báo, ăn năn hối cải về hành vi phạm tội, đã tự nguyện bồi thường cho anh Lý Thế H số tiền 1.000.000 đồng để khắc phục hậu quả nên được hưởng các tình tiết giảm nhẹ trách nhiệm hình sự quy định tại điểm s, b khoản 1 Điều 51 Bộ luật Hình sự. Bị cáo có bố đẻ được nhà nước tặng thưởng Huy chương chiến sĩ vẻ vang, Bằng khen, Huy hiệu 40 năm tuổi Đảng; bị hại anh Lý Thế H xin giảm nhẹ hình phạt cho bị cáo nên Hội đồng xét xử cho bị cáo hưởng thêm các tình tiết giảm nhẹ quy định tại khoản 2 Điều 51 Bộ luật Hình sự. Bị cáo không phải chịu tình tiết tăng nặng trách nhiệm hình sự.

[4] Về hình phạt:

- Hình phạt chính: Xét tính chất mức độ hành vi phạm tội, tình tiết giảm nhẹ, nhân thân của bị cáo, Hội đồng xét xử xét thấy cần buộc bị cáo phải chấp hành hình phạt tù tại cơ sở giam giữ một thời gian để cải tạo và giáo dục bị cáo. Bị cáo phạm hai tội nên cần áp dụng Điều 55 Bộ luật Hình sự để tổng hợp hình phạt đối với bị cáo. Mức hình phạt đề nghị áp dụng đối với bị cáo của Đại diện Viện kiểm sát nhân dân huyện Ba Bể là phù hợp nên Hội đồng xét xử chấp nhận. Người bào chữa đề nghị Hội đồng xét xử áp dụng mức hình phạt 06 tháng tù đối với tội "Lừa đảo chiếm đoạt tài sản" cho bị cáo là chưa nghiêm, không tương xứng với tính chất, mức độ hành vi phạm tội nên Hội đồng xét xử không chấp nhận.

- Về hình phạt bổ sung: Xét thấy bị cáo thuộc diện hộ nghèo, không có việc làm, không có thu nhập ổn định nên Hội đồng xét xử không áp dụng hình phạt bổ sung đối với bị cáo theo quy định tại khoản 5 Điều 174, khoản 4 Điều 341 Bộ luật Hình sự.

[5] Về trách nhiệm dân sự: Trong quá trình giải quyết vụ án và tại phiên tòa, bị cáo nhất trí bồi thường số tiền 20.000.000 đồng cho bị hại; Bị cáo đã bồi thường cho anh H số tiền 1.000.000 đồng, anh H yêu cầu và bị cáo nhất trí bồi thường tiếp cho anh H số tiền là 19.000.000 đồng.

Người có quyền lợi, nghĩa vụ liên quan anh Hoàng Văn T1 yêu cầu anh Lý Thế H phải trả lại số tiền 18.000.000 đồng mà anh T1 đã trả cho anh H khi mua xe.

Người có quyền lợi, nghĩa vụ liên quan anh Lý Văn N1 yêu cầu anh Hoàng Văn T1 phải trả lại số tiền 21.000.000 đồng mà anh N1 đã trả cho anh T1 khi mua xe.

Tại đơn xin xét xử vắng mặt của bị hại và những người có quyền lợi, nghĩa vụ liên quan giữ nguyên yêu cầu và đề nghị Tòa án ghi nhận trong bản án; xét

thấy sự thỏa thuận là tự nguyện, không vi phạm điều cấm của luật và không trái đạo đức xã hội nên Hội đồng xét xử chấp nhận.

[6] Về vật chứng: Căn cứ quy định tại Điều 47 Bộ luật Hình sự, Điều 106 Bộ luật tố tụng Hình sự xử lý vật chứng:

- Tịch thu, tiêu hủy đối với 01 biển số đăng ký 97B1-675.87 (giả).

- Chuyển lưu theo hồ sơ vụ án đối với 01 chứng nhận đăng ký xe mô tô, xe máy số 022811 mang tên Hứa Văn S (giả);

- Đối với 01 xe mô tô nhãn hiệu YAMAHA EXCITER màu sơn đen, số khung RLCUG0610HY516021, số máy G3D4E538845 đã qua sử dụng kèm theo chìa khóa xe, hiện chưa xác định được chủ sở hữu hợp pháp nên xét thấy cần giao cơ quan có chức năng là Đội Cảnh sát giao thông – Trật tự Công an huyện B thông báo tìm chủ sở hữu hợp pháp theo quy định của pháp luật; Hết thời hạn theo quy định của pháp luật kể từ ngày thông báo mà không xác định được ai là chủ sở hữu hợp pháp thì tiến hành các thủ tục để tịch thu, sung vào Ngân sách Nhà nước.

[7]Về án phí:

- Về án phí hình sự sơ thẩm: Bị cáo thuộc diện hộ nghèo, có đơn xin miễn án phí nên được miễn án phí hình sự sơ thẩm theo quy định.

- Về án phí dân sự sơ thẩm: Trước khi mở phiên tòa, bị cáo, bị hại, những người có quyền lợi, nghĩa vụ liên quan đã thỏa thuận được với nhau về việc bồi thường thiệt hại và trách nhiệm dân sự, đề nghị Tòa án ghi nhận. Căn cứ điểm f khoản 1 Điều 23 Nghị quyết 326/2016/UBTVQH14 ngày 30/12/2016 của Ủy ban Thường vụ Quốc hội, bị cáo, bị hại, người có quyền lợi, nghĩa vụ liên quan không phải chịu án phí dân sự sơ thẩm.

[8] Về quyền kháng cáo: Bị cáo, bị hại, những người có quyền lợi, nghĩa vụ liên quan có quyền kháng cáo bản án theo quy định.

[9] Vấn đề khác:

Trong vụ án này có Lý Thế Hoàng, Hoàng Văn T1, Lý Văn N1 là những người mua, bán chiếc xe mô tô nhãn hiệu YAMAHA EXCITER màu sơn đen, gắn biển số đăng ký 97B1-675.87 giả cùng giấy chứng nhận xe giả mang tên Hứa Văn S: Những người này đều không biết xe gắn biển số giả, giấy tờ xe giả nên không xem xét xử lý.

Đối với đối tượng làm giả giấy chứng nhận đăng ký xe mô tô, xe máy giả và đối tượng giao xe mô tô gắn biển số đăng ký giả và giấy chứng nhận đăng ký xe giả cho Hứa Văn S: Sự không biết họ tên, địa chỉ của các đối tượng này nên không có căn cứ điều tra, xử lý.

Đối với chiếc điện thoại di động Samsung Galaxy A20 mà bị cáo S khai dùng để liên lạc mua xe mô tô, xe máy gắn biển số xe giả, bị cáo đã làm rơi ở tỉnh Hưng Yên nên Cơ quan điều tra không tạm giữ được.

Vì các lẽ trên;

QUYẾT ĐỊNH:

Căn cứ khoản 1 Điều 174, điểm d khoản 2 Điều 341; Điều 38, Điều 47; Điều 48, Điều 50, điểm s, b khoản 1, khoản 2 Điều 51, Điều 55 Bộ luật hình sự; Điều 106 Bộ luật tố tụng Hình sự; các Điều 584, 585, 586, 589 Bộ luật Dân sự; điểm đ khoản 1 Điều 12, điểm f khoản 1 Điều 23 Nghị quyết 326/2016/UBTVQH14 ngày 30/12/2016 của Ủy ban Thường vụ Quốc hội:

1. Về tội danh: Tuyên bố bị cáo Hứa Văn S phạm tội "Lừa đảo chiếm đoạt tài sản" và tội "Sử dụng tài liệu giả của cơ quan, tổ chức".

2. Về hình phạt:

Xử phạt bị cáo Hứa Văn S 12 (mười hai) tháng tù về tội "Lừa đảo chiếm đoạt tài sản" và 24 (hai mươi tư) tháng tù về tội "Sử dụng tài liệu giả của cơ quan, tổ chức". Tổng hợp hình phạt của hai tội, buộc bị cáo phải chấp hành 36 (ba mươi sáu) tháng tù. Thời hạn chấp hành hình phạt tù tính từ ngày bị cáo đi chấp hành án.

3. Về xử lý vật chứng:

- Tịch thu, tiêu hủy: 01 biển số đăng ký 97B1-675.87 (giả).

- Chuyển lưu theo hồ sơ vụ án đối với 01 chứng nhận đăng ký xe mô tô, xe máy số 022811 mang tên Hứa Văn S (giả);

- Giao Đội Cảnh sát giao thông – Trật tự Công an huyện B thông báo tìm chủ sở hữu hợp pháp theo quy định của pháp luật đối với xe mô tô nhãn hiệu YAMAHA EXCITER màu sơn đen, số khung RLCUG0610HY516021, số máy G3D4E538845 đã qua sử dụng kèm theo chìa khóa xe.

Hết thời hạn theo quy định của pháp luật kể từ ngày thông báo mà không xác định được ai là chủ sở hữu hợp pháp thì tiến hành các thủ tục để tịch thu, sung vào Ngân sách Nhà nước.

(Tình trạng, số lượng vật chứng như biên bản giao, nhận vật chứng ngày 16/02/2024 giữa Công an huyện B, tỉnh Bắc Kạn với Chi cục Thi hành án Dân sự huyện Ba Bể, tỉnh Bắc Kạn).

4. Về trách nhiệm dân sự: Ghi nhận sự thỏa thuận của bị cáo, bị hại và những người có quyền lợi, nghĩa vụ liên quan:

+ Buộc bị cáo phải bồi thường cho anh Lý Thế H số tiền còn lại là 19.000.000 đồng;

+ Bị hại anh Lý Thế H có trách nhiệm hoàn trả cho anh Hoàng Văn T1 số tiền 18.000.000 đồng;

+ Anh Hoàng Văn T1 có trách nhiệm hoàn trả cho anh Lý Văn N1 số tiền 21.000.000 đồng.

Việc thi hành án dân sự được thực hiện theo quy định tại Điều 357 của Bộ luật Dân sự.

5. Về án phí: Miễn án phí hình sự sơ thẩm cho bị cáo. Bị cáo, bị hại, người có quyền lợi, nghĩa vụ liên quan không phải chịu án phí dân sự sơ thẩm.

6. Về quyền kháng cáo: Bị cáo có quyền kháng cáo bản án trong hạn 15 ngày kể từ ngày tuyên án. Bị hại, những người có quyền lợi, nghĩa vụ liên quan có quyền kháng cáo bản án trong thời hạn 15 ngày kể từ ngày nhận được bản án hoặc bản án được niêm yết theo quy định của pháp luật.

"Trường hợp bản án, quyết định được thi hành theo quy định tại Điều 2 Luật thi hành án dân sự thì người được thi hành án dân sự, người phải thi hành án dân sự có quyền thoả thuận thi hành án, quyền yêu cầu thi hành án, tự nguyện thi hành án hoặc bị cưỡng chế thi hành án theo quy định tại Điều 6,7, 7a và 9 Luật thi hành án dân sự; thời hiệu thi hành án được thực hiện theo quy định tại Điều 30 Luật thi hành án dân sự".

Nơi nhận:
- TAND tỉnh Bắc Kạn;
- VKSND tỉnh Bắc Kạn;
- VKSND huyện Ba Bể;
- Bị cáo;
- Bị hại;
- Người bào chữa;
- Người có quyền lợi, nghĩa vụ liên quan;
- Chi cục THADS huyện Ba Bể;
- Công an huyện Ba Bể;
- Sở tư pháp tỉnh Bắc Kạn;
- THAHS;
- Lưu hồ sơ vụ án;
- Lưu Văn phòng.

TM. HỘI ĐỒNG XÉT XỬ SƠ THẨM
THẨM PHÁN - CHỦ TỌA PHIÊN TÒA

(đã ký)

Triệu Thị Út Hiền

THÀNH VIÊN HỘI ĐỒNG XÉT XỬ **THẨM PHÁN - CHỦ TỌA PHIÊN TÒA**

Chu Thị Thu Trang **Nguyễn Thị Nga** **Triệu Thị Út Hiền**

Viện kiểm sát nhân dân huyện Ba Bể truy tố

2. Quan điểm giải quyết:

2.1. Quan điểm Thẩm phán được phân công:

Thống nhất quan điểm truy tố của Viện kiểm sát nhân dân huyện Ba Bể, hành vi của Hứa Văn S cấu thành 2 tội "Sử dụng tài liệu giả của cơ quan, tổ chức" theo điểm d khoản 2 Điều 341 và tội "Lừa đảo chiếm đoạt tài sản" theo khoản 1 Điều 174 Bộ luật Hình sự vì:

Sự biết rõ xe không có nguồn gốc, không có giấy tờ, đã thực hiện hành vi đặt mua xe và sử dụng giấy tờ xe giả nhằm mục đích lừa dối cơ quan, tổ chức, cá nhân về việc sở hữu chiếc xe hợp pháp (hành vi vi trái pháp luật). S đã sử dụng xe và giấy tờ giả cho nhu cầu sử dụng thực tế của mình trong một thời gian nhất định (1 năm). Hành vi "sử dụng giấy tờ giả"của S đã hoàn thành từ trước thời điểm quyết định bán xe cho anh H.

Tiếp đó, khi cần tiền để sử dụng, S đã cố tình che giấu thông tin về tính hợp pháp của chiếc xe để bán xe cho anh H, chiếm đoạt số tiền 20.000.000 đồng nên cấu thành thêm tội "Lừa đảo chiếm đoạt tài sản" theo khoản 1 Điều 174 Bộ luật Hình sự. Vì S sử dụng giấy tờ xe giả không những để che giấu cơ quan, tổ chức về tính hợp pháp của chiếc xe mà còn sử dụng giấy tờ xe giả để thực hiện tội phạm ít nghiêm trọng là "Lừa đảo chiếm đoạt tài sản" tại khoản 1 Điều 174 nên Sự chịu tình tiết định khung về tội "Sử dụng giấy tờ, tài liệu giả" theo điểm d khoản 2 Điều 341 Bộ luật Hình sự là có căn cứ.

2.2. Quan điểm khác trong đơn vị:

Căn cứ nội dung Công văn số 50/TANDTC-PC ngày 07/4/2020 của Vụ Pháp chế và Quản lý khoa học Tòa án nhân dân tối cao; mục 2 công văn số 233/TANDTC-PC ngày 01/10/2019 thì việc sử dụng tài liệu giả của cơ quan, tổ chức để lừa đảo chiếm đoạt tài sản - một hành vi phạm tội nhưng thoả mãn dấu hiệu cấu thành của nhiều tội thì bị truy cứu trách nhiệm hình sự về tội nặng hơn. Việc sử dụng giấy tờ, tài liệu giả của S là thủ đoạn gian dối để lừa đảo chiếm đoạt tài sản. Trong trường hợp này, hành vi sử dụng giấy tờ xe giả của S không bị cơ quan công an bắt giữ và phát hiện trước đó, S sử dụng giấy tờ xe giả để bán xe cho anh H để chiếm đoạt số tiền 20.000.000 đồng nên S chỉ cấu thành tội "Lừa đảo chiếm đoạt tài sản", phù hợp với nguyên tắc "một hành vi không bị xử lý hai lần".

Mặt khác, công văn số 2915/VKSTC-V7 ngày 21/7/2023 xác định rõ: Hành vi sử dụng giấy chứng nhận xe mô tô giả tham gia giao thông nhằm đối phó khi gặp cảnh sát giao thông có mức độ nguy hiểm xã hội không đáng kể, căn cứ khoản 2 Điều 8 không cần thiết phải xử lý hình sự mà chỉ cần xử phạt vi phạm hành chính là đủ.

Trong vụ án này, không xem xét xử lý hành vi "Sử dụng giấy tờ giả" của S vì đã thu hút vào tội "Lừa đảo chiếm đoạt tài sản" là phù hợp.

Tòa án nhân dân huyện Ba Bể báo cáo Ủy ban Thẩm phán Tòa án nhân dân tỉnh Bắc Kạn.

CHÁNH ÁN

Phạm Thế H1

Cung cấp trái phép chất ma túy cho người khác để họ sử dụng trái phép chất ma túy;

Mặt chủ quan của T4 tổ chức sử dụng trái phép chất ma túy đòi hỏi người thực hiện hành vi do lỗi cố ý.

thì "người nghiện ma túy" không phải là trường hợp được loại trừ xử lý hình sự trên cơ sở kết cấu các Điều luật về tội phạm ma túy hiện nay.

Như vậy, nội dung hướng dẫn của Thông tư liên tịch số 17/2007 đã thể hiện bản chất cốt lõi của hành vi "tổ chức" đó là chuỗi hành vi "chỉ huy, phân công, điều hành". Đây là chuỗi hành vi bắt buộc của người phạm tội nhằm "phác họa" rõ nét hình ảnh của một đối tượng phạm tội với vai trò "tổ chức", đồng thời cũng phản ánh tính chất nghiêm trọng của hành vi phạm tội. Sự thay đổi trên có ý nghĩa quyết định trong việc nhận thức hành vi tổ chức sử dụng trái phép chất ma túy so với hướng dẫn tại Thông tư liên tịch số 02/1998.

Tác giả đồng ý với quan điểm nêu tại Công văn số 89/TANDTC-PC ngày 30/6/2020 của Tòa án nhân dân tối cao về việc thông báo kết quả giải đáp trực tuyến một số vướng mắc trong xét xử (gọi tắt là Công văn số 89/2020), hành vi tổ chức sử dụng trái phép chất ma túy hoàn toàn khác với loại hình tội phạm có tổ chức, bởi lẽ nếu phạm tội có tổ chức là "hình thức đồng phạm có sự câu kết chặt chẽ giữa những người cùng thực hiện tội phạm". Người tổ chức là người chủ mưu, cầm đầu, chỉ huy việc thực hiện tội phạm thì người phạm tội tổ chức sử dụng trái phép chất ma túy không cần sự "chặt chẽ" nêu trên.

Tuy nhiên, chính sự không thống nhất trong giải đáp của Công văn số 89/2020 và nhận thức pháp luật của từng địa phương dẫn đến việc áp dụng pháp luật không thống nhất. Cụ thể, tại mục 1 Công văn số 89/2020 xác định: "Tổ chức sử dụng trái phép chất ma túy được hiểu là thực hiện một trong các hành vi bố trí, sắp xếp, điều hành con người, phương tiện; cung cấp ma túy, địa điểm, phương tiện, dụng cụ… để thực hiện việc sử dụng trái phép chất ma túy". Đối chiếu với các quy định tại Thông tư liên tịch số 02/1998 và Thông tư liên tịch số 17/2007, có thể nhận thấy, nội dung "cung cấp ma túy" chỉ được xem là hành vi khách quan độc lập cấu thành Tội tổ chức sử dụng trái phép chất ma túy theo tinh thần hướng dẫn

tại Thông tư liên tịch số 02/1998. Ngược lại, theo Thông tư liên tịch số 17/2007, đây chỉ là một hoạt động được thực hiện theo sự chỉ huy, phân công, điều hành của người tổ chức sử dụng ma túy, từ đó được xem là một trong những hành vi giúp sức của loại tội phạm này. Nội dung giải đáp tại Công văn số 89/2020 cho rằng đây là một trong những hành vi khách quan (vượt ngoài phạm vi điều chỉnh hành vi khách quan của tội này theo điểm a, b tiểu mục 6.1 Mục 6 Thông tư liên tịch số 17/2007) là chưa đúng với bản chất và những dấu hiệu cấu thành đặc trưng của T4 tổ chức sử dụng trái phép chất ma túy hiện nay. Có thể thấy, nội dung trên tuy phù hợp với tinh thần Thông tư liên tịch số 02/1998 nhưng đi ngược với tinh thần Thông tư liên tịch số 17/2007 (là văn bản quy phạm pháp luật đã thay thế Thông tư liên tịch số 02/1998).

1. Dấu hiệu pháp lý về tội "Tổ chức sử dụng trái phép chất ma túy"

Ma túy là loại độc dược gây nghiện hết sức nguy hiểm cho người sử dụng nếu không tuân theo sự chỉ định của y, bác sỹ. Theo quy định của pháp luật, chỉ một số cơ quan nhà nước mới được phép sản xuất ma túy nhằm mục đích phục vụ trong lĩnh vực y tế nhằm mục đích chữa bệnh và nghiên cứu khoa học.

Dấu hiệu khách thể trực tiếp của tội "Tổ chức sử dụng trái phép chất ma túy" là chế độ độc quyền quản lý của Nhà nước về việc sử dụng các chất ma túy. Ngoài ra, hành vi phạm tội còn xâm hại đến các quan hệ xã hội khác như tính mạng, sức khỏe của con người, đồng thời còn làm gia tăng tệ nạn nghiên hút ma túy, ảnh hưởng đến trật tự, an toàn xã hội.

Dấu hiệu khách quan của tội "Tổ chức sử dụng trái phép chất ma túy" được quy định là hành vi phạm tội, là dấu hiệu bắt buộc thuộc mặt khách quan của tội phạm. Dấu hiệu phạm tội có tổ chức hay đồng phạm có tổ chức là tình tiết tăng nặng trách nhiệm hình sự được quy định tại điểm a, khoản 1, Điều 52, Bộ luật Hình sự năm 2015, hoặc tình tiết này được quy định là tình tiết tăng nặng định khung hình phạt trong một số tội phạm cụ thể quy định trong Bộ luật Hình sự năm 2015.

Tội "Tổ chức sử dụng trái phép chất ma túy" được quy định tại Điều 255, Bộ luật Hình sự năm 2015 có dấu hiệu "có tổ chức" là đặc điểm bắt buộc của hành vi khách quan có ý nghĩa trong việc định tội và ở cả phương thức thực hiện hành vi phạm tội, có nghĩa là người phạm tội có hành vi tổ chức cho người khác thực hiện hành vi sử dụng trái phép chất ma túy hoặc đưa trái phép chất ma túy vào cơ thể người khác.

Người nào thực hiện một trong các hành vi sau đây theo sự chỉ huy, phân công, điều hành của người khác thì bị coi là đồng phạm về tội "Tổ chức sử dụng trái phép chất ma túy": Đưa trái phép chất ma túy vào cơ thể người khác; cung cấp trái phép chất ma túy cho người khác để họ sử dụng trái phép chất ma túy; chuẩn bị chất ma túy dưới bất kỳ hình thức nào (mua, xin, tàng trữ, sản xuất…) nhằm đưa trái phép chất ma túy vào cơ thể người khác; chuẩn bị địa điểm (thuê địa điểm, mượn địa điểm, sử dụng địa điểm không thuộc quyền chiếm hữu của mình hoặc đang do mình quản lý để làm nơi đưa trái phép chất ma túy vào cơ thể người khác); chuẩn bị dụng cụ, phương tiện dùng vào việc sử dụng trái phép chất ma túy dưới bất kỳ hình thức nào (mua, xin, tàng trữ…) nhằm sử dụng để đưa trái phép chất ma túy vào cơ thể người khác; tìm người sử dụng chất ma túy để đưa trái phép chất ma túy vào cơ thể của họ.

Dấu hiệu chủ quan của tội "Tổ chức sử dụng trái phép chất ma túy", lỗi của người phạm tội luôn là lỗi cố ý trực tiếp. Người phạm thấy rõ hành vi của mình là nguy hiểm cho xã hội và bị pháp luật cấm, thấy trước hậu quả nguy hiểm cho xã hội của hành vi đó và mong muốn cho hậu quả đó xảy ra.

Mục đích của người thực hiện hành vi tổ chức sử dụng trái phép chất ma túy là nhằm đưa chất ma túy một cách trái phép vào cơ thể người khác. Nếu không chứng minh được mục đích của người phạm tội là nhằm đưa chất ma túy trái phép vào cơ thể người khác thì không phải là phạm tội "Tổ chức sử dụng trái phép chất ma túy", mà tùy trường hợp cụ thể người phạm tội có thể bị truy cứu trách nhiệm hình sự về tội chứa chấp việc sử dụng trái phép chất ma túy (Điều 256), hoặc các tội "Tàng trữ trái phép chất ma túy" (Điều 249), tội "Vận chuyển trái phép chất ma túy" (Điều 250)... Như vậy, mục đích nhằm đưa trái phép chất ma túy vào cơ thể người khác là dấu hiệu bắt buộc của tội phạm này.

2. Vướng mắc và hướng hoàn thiện quy định pháp luật về tội “Tổ chức sử dụng trái phép chất ma túy”

Tại mục a, điểm 6.2, Thông tư liên tịch số 17/2007/TTLT/BCA-VKSNDTC-TANDTC-BTP ngày 24/12/2007 quy định về Hướng dẫn áp dụng một số quy định tại chương xviii “Các tội phạm về ma túy” của Bộ luật Hình sự năm 1999 như sau: “a) Người nghiện ma túy có chất ma túy (không phân biệt nguồn gốc ma túy do đâu mà có) cho người nghiện ma túy khác chất ma túy để cùng sử dụng trái phép thì không bị truy cứu trách nhiệm hình sự về tội "Tổ chức sử dụng trái phép chất ma túy", mà tùy từng trường hợp có thể bị truy cứu trách nhiệm hình sự về tội "Tàng trữ trái phép chất ma túy" hoặc tội "Sử dụng trái phép chất ma túy”.

Quy định nêu trên thì đối với "người nghiện ma túy có chất ma túy (không phân biệt nguồn gốc ma túy do đâu mà có) cho người nghiện ma túy khác chất ma túy để cùng sử dụng trái phép…" thì không bị truy cứu trách nhiệm hình sự về tội "Tổ chức sử dụng trái phép chất ma túy". Vì vậy, đối với vụ án ma túy cần xác định rõ trong các bị cáo sử dụng ma túy có bị cáo nào không nghiện hay không? Ai là người chỉ huy, phân công, điều hành các hoạt động đưa trái phép chất ma túy vào cơ thể người khác.

Tổ chức sử dụng trái phép chất ma túy là một trong các hành vi sau đây: Chỉ huy, phân công, điều hành các hoạt động đưa trái phép chất ma túy vào cơ thể người khác; Chỉ huy, phân công, điều hành việc chuẩn bị, cung cấp chất ma túy, địa điểm, phương tiện, dụng cụ dùng vào việc sử dụng trái phép chất ma túy, tìm người sử dụng chất ma túy. Người nào thực hiện một trong các hành vi theo sự chỉ huy, phân công, điều hành của người khác thì bị coi là đồng phạm về tội "Tổ chức sử dụng trái phép chất ma túy": Đưa trái phép chất ma túy vào cơ thể người khác; cung cấp trái phép chất ma túy cho người khác để họ sử dụng trái phép chất ma túy; chuẩn bị chất ma túy dưới bất kỳ hình thức nào (mua, xin, tàng trữ, sản xuất…) nhằm đưa trái phép chất ma túy vào cơ thể người khác;…

Ví dụ: Sau bữa tiệc tổ chức liên hoan, các đối tượng nghiện ma túy cùng rủ nhau sử dụng ma túy. Trong trường hợp này, các bị cáo có phạm tội "Tổ chức sử dụng trái phép chất ma túy" hay không?

Đối với vụ án này sẽ xảy ra hai trường hợp:

- Nếu tất cả các bị cáo đều nghiện mà có một hoặc hai bị cáo có ma túy đưa cho các bị cáo khác cùng sử dụng thì không phạm tội "Tổ chức sử dụng trái phép chất ma túy".

- Nếu có một người khởi xướng, sau đó các bị cáo đều đồng ý sử dụng ma túy. Các bị cáo không có ma túy nên phải phân công nhau đi mua, phân công người chuẩn bị địa điểm, công cụ, phương tiện để sử dụng ma túy. Theo hướng dẫn tại điểm 6.1 mục 6 Phần II Thông tư liên tịch số 17/2007/TTLT/BCA-VKSNDTC-TANDTC-BTP thì phạm tội "Tổ chức sử dụng trái phép chất ma túy".

Vướng mắc: Qua ví dụ nêu trên có thể thấy, theo hướng dẫn tại điểm 6.1, mục 6, Phần II, Thông tư liên tịch số 17/2007/TTLT/BCA-VKSNDTC-TANDTC-BTP thì đối với một số trường hợp các đối tượng về ma túy được "miễn trừ" về truy cứu trách nhiệm hình sự. Quy định về tội "Tổ chức sử dụng trái phép chất ma

túy" thì tất cả những hành vi liên quan đến việc tổ chức sử dụng trái phép chất ma túy đều phải truy cứu trách nhiệm hình sự. Đối với những người nghiện ma túy tụ tập nhau lại để sử dụng ma túy cũng không thể được miễn trừ như hướng dẫn tại Thông tư 17 mà phải bị truy cứu trách nhiệm hình sự.

Kiến nghị

Bãi bỏ hướng dẫn tại điểm 6.1, mục 6, Phần II, Thông tư liên tịch số 17/2007/TTLT/BCA-VKSNDTC-TANDTC-BTP.